

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thuế trên địa bàn thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế (thực hiện theo Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 1624/SNNMT-VP ngày 06/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết **01** thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Thuế thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 1287/QĐ-TTPVHCC ngày 15/09/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc quy phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục KS TTHC - Bộ Tư pháp;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Công Thông tin điện tử Thành phố;
 - TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/điểm hỗ trợ DVC số;
 - Lưu : VT, KSTTHC.
- } (để báo cáo)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Phúc

Phụ lục I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của
 Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

STT	Mã số TTHC	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
A		TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ	
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	(QT-01)

Phụ lục II
NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

**1. Quy trình: Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải
(Mã thủ tục hành chính 1.013040)**

**1.1. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và
Môi trường (QT-01)**

1	Mục đích
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với đối tượng được quy định khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải và theo quy định phân cấp của UBND Thành phố và khoản 1 Điều 4 quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; - Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số Quyết định số 94/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực

	thuế (thực hiện theo Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ đề nghị thẩm định		
	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)	x	
	- Giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp (theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)		x
	- Chứng từ nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải vào tài khoản thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại (theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024: Đối tượng nộp phí nộp tờ khai và nộp phí cho tổ chức thu phí)		x
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): kết quả quan trắc định kỳ, bảng kê tính khí thải đối với các thông số có quan trắc tự động, quan trắc định kỳ trong kỳ kê khai phí,.....		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	40 ngày làm việc trong đó: 30 ngày thẩm định và 10 ngày thông báo nộp phí (theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP) kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh) nhận được Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:		
	Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.		

	Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình.			
3.6	Phí, Lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	<p>Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>1. Nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội: 3511.0.1058596 - Tại Phòng giao dịch số 4, Kho bạc nhà nước khu vực I; Đơn vị thụ hưởng: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. - Hoặc nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, Chi nhánh Ngọc Khánh: Số tài khoản: 8680004687; Đơn vị thụ hưởng: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. <p>2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở. - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. 	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B2	<ul style="list-style-type: none"> - TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở NN&MT. - Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Văn phòng Sở. - Lãnh đạo Sở. 	Giờ hành chính 1,0 ngày	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

		- Lãnh đạo phòng chuyên môn		
B3	Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn. - Chuyên viên.	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
<i>Trường hợp 1: Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, chuyên Chánh Văn phòng Sở ký Thông báo.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng Quản lý môi trường - Chánh Văn phòng Sở.	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư Sở	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về TTPVHCC	- Văn phòng Sở - TTPVHCC	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	TTPVHCC trả hồ sơ và Thông báo cho tổ chức, cá nhân.	- TTPVHCC	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
<i>Trường hợp 2: Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.2	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	32 ngày	- Kết quả thẩm định phí. - Phiếu trình ký. - Thông báo phí theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 153/2024/NĐ-CP.

				<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B3	Lãnh đạo phòng rà soát, ký kết quả thẩm định phí (nếu có) và ký nháy dự thảo Thông báo phí BVMT đối với khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng Quản lý môi trường. - Lãnh đạo Sở. 	5,0 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo thông báo phí.
	Lãnh đạo Sở xem xét ký Thông báo phí BVMT đối với khí thải			<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo thông báo phí.
B4	Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (lấy số, phát hành), chuyển kết quả về TTPVHCC để trả kết quả cho chủ dự án.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết HS. - Văn phòng Sở. - TTPVHCC. 	1,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - TTPVHCC. 	Giờ hành chính	Theo kết quả Bước 4
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024).			

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý.... Năm

Kính gửi: Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:.....

Địa chỉ:

MST:	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

Điện thoại..... Fax:..... Email:

.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: *(Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)***B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ****i. Thông tin về dòng khí thải thứ i**

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh ($Nm^3/giờ$):

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C_i)
Bụi		
NO_x (gồm NO_2 và NO)		
SO_x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải *(Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường)*:**C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)***

C = đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = đồng.
 2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày
 (Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

1.2. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (QT-01)

1	Mục đích		
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.		
2	Phạm vi		
	Áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải và theo phân cấp của UBND Thành phố và khoản 2 Điều 4 quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; - Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; - Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; - Quyết định số Quyết định số 94/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế (thực hiện theo Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ đề nghị thẩm định		

	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)			x
	- Giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp (theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)			x
	- Chứng từ nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải vào tài khoản thu phí của UBND cấp xã theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại (theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024: Đối tượng nộp phí nộp tờ khai và nộp phí cho tổ chức thu phí)			x
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): kết quả quan trắc định kỳ,...			x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	40 ngày làm việc trong đó: 30 ngày thẩm định và 10 ngày thông báo nộp phí (theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP) kể từ ngày Chi nhánh Trung tâm PVHCC Thành phố/Điểm hỗ trợ dịch vụ công số nhận được Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.			
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:			
	<p>Cách 1: Trực tiếp tại Điểm hỗ trợ dịch vụ công số.</p> <p>Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình.</p>			
3.6	Phí, lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp và tiếp nhận hồ sơ: 1. Nộp hồ sơ: - Cơ sở lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính.	- Cơ sở. - Cán bộ Điểm hỗ trợ dịch vụ công số.	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả Điểm hỗ trợ dịch vụ công số kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B1.1. 			- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả Điểm hỗ trợ dịch vụ công số tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ về UBND cấp xã - Trình Lãnh đạo UBND cấp xã giao việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Điểm hỗ trợ dịch vụ công số. - Lãnh đạo UBND cấp xã. - Phòng chuyên môn. 	Giờ hành chính 1,0 ngày	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B3	Phòng chuyên môn chuyên Chuyên viên thụ lý giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Chuyên viên thụ lý. 	1,0 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
<i>Trường hợp 1: Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo xã ký Thông báo.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo xã. 	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã. 	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

B4.1.3	Chuyên hồ sơ về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả Điểm hỗ trợ dịch vụ công số để gửi cho tổ chức, cá nhân	- Văn thư cấp xã. - Cán bộ của Điểm hỗ trợ dịch vụ công số.	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	Trả hồ sơ	Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả Điểm hỗ trợ dịch vụ công số.	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
<i>Trường hợp 2: Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.2	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	32 ngày	- Kết quả thẩm định phí - Phiếu trình ký - Thông báo phí theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 153/2024/NĐ-CP. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B3	Lãnh đạo phòng rà soát, ký kết quả thẩm định phí (nếu có) và ký nháy dự thảo Thông báo phí BVMT đối với khí thải	- Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo cấp xã	5,0 ngày	- Dự thảo thông báo phí.
	Lãnh đạo cấp xã xem xét ký Thông báo phí BVMT đối với khí thải			- Dự thảo thông báo phí.
B4	Chuyên viên Thông báo phí (lấy số, phát hành). Chuyên Thông báo phí về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã	1,5 ngày	- Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.

	cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Cán bộ Điểm hỗ trợ dịch vụ công số		
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Giờ hành chính	Theo kết quả Bước 4
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024).			

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý.... Năm

Kính gửi: Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

Địa chỉ:

MST:	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

Điện thoại..... Fax:..... Email:

.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: *(Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)*

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh ($\text{Nm}^3/\text{giờ}$):

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C_i)
Bụi		
NO_x (gồm NO_2 và NO)		
SO_x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải *(Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường)*:

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)*

$C =$ đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = đồng.
 2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)